TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-02-2026.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 500/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Thị Tuyết D, sinh năm 2003.
CCCD số: 084303008230.
Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005.
CCCD số: 082205006390.
Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị D xin vắng mặt và anh N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết D trình bày:*

Chị và anh Phạm Nguyễn Trọng N sống chung vào năm 2022, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2025 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cự cải, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Trọng P, sinh ngày 26/12/2022, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Phạm Nguyễn Trọng N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về ly hôn, về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết D yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Phạm Nguyễn Trọng N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị D và anh N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tuyết D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Ngô Thị Tuyết D và anh Phạm Nguyễn Trọng N sống chung năm 2022, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D xin ly hôn với anh N với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cự cải, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị D và anh N đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay. Chị D xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N; phía anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh N không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh N không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Ngô Thị Tuyết D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi cháu Phạm Trọng P, sinh ngày 26/12/2022. Hội đồng xét xử xét thấy cháu P hiện đang sống với chị D đã ổn định về chỗ ở, về tâm lý. Phía anh N không có văn bản ý kiến trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cho thấy anh N cũng thống nhất với hiện trạng nuôi con chung như hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị Tuyết D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tuyết D.

Về tình cảm: Chị Ngô Thị Tuyết D được ly hôn với anh Phạm Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trọng P, sinh ngày 26/12/2022 cho chị Ngô Thị Tuyết D nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Phạm Nguyễn Trọng N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Tuyết D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009045 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, do vậy chị D đã nộp xong án phí.

3. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân